Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 16.11.2026 16:54:47 +07:00

54

CB

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2138/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

40

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm các hồ, đập, công trình: A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, Đak Mi 4C, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2, đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

2. Các quy trình vận hành hồ, đập đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quyết định này.

3. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ, đập, công trình góp phần nâng cao hiệu quả cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

4. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

Điều 3. Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi chung là Giám đốc) của các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập, công trình: A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, Đak Mi 4C, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2; các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND, Ban PTDS thành phố Đà Nẵng;
- Các cục: Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập, công trình tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTĐT, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)32

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng

42

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

(Kèm theo Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hằng năm, các hồ, đập, công trình: A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, Đak Mi 4C, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2; các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít và Nhà máy nước Cầu Đỏ trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Sông Bung 4 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện: A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 2, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Đak Mi 2 và Sông Tranh 3 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình thủy điện: Za Hung, Đak Mi 4B, Đak Mi 4C, Đak Mi 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, Sông Côn 2 bậc 1 và Sông Côn 2 bậc 2 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện A Vương 3 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ): từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 20 tháng 12.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn): từ ngày 21 tháng 12 đến ngày 31 tháng 8 năm sau.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ, đập phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ, đập.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quy định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, không gây đột biến dòng chảy, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin, thông tin dự báo, cảnh báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ, đập cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 30 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Thành Mỹ, Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 2 thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường

Hồ	Mực nước hồ (m)			
	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 21/11	Từ 22/11 đến 20/12
A Vương	374	373	374 - 376	377 - 380
Đak Mi 4A	254	253	253 - 255	256 - 258
Sông Tranh 2	168	167	168 - 171	173 - 175
Sông Bung 4	217	216,5	217,5 - 218	218,5 - 222,5
Sông Bung 2	599		600 - 601	602 - 605

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Mực nước hồ (m)			
	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 21/11	Từ 22/11 đến 20/12
A Vương	367 - 368			376
Đak Mi 4A	249 - 251			255
Sông Tranh 2	162 - 163			172
Sông Bung 4	214 - 216			218
Sông Bung 2	594 - 598			601

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn
để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

Hồ	Trạm thủy văn	Mực nước (m)
Đak Mi 4A	Thành Mỹ	19 - 20,5
A Vương, Sông Bung 4	Hội Khách	15,5 - 16,0
Đak Mi 4A, A Vương, Sông Bung 4	Ái Nghĩa	8,0 - 8,5
Sông Tranh 2	Nông Sơn	13,0 - 14,0
	Câu Lâu	3,0 - 3,5

Điều 7. Chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Việc vận hành các hồ trong mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

- Đối với các hồ Đak Mi 4A, A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2 việc vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ chế độ vận hành sau đây:

+ Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực

nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ;

+ Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%) nhằm duy trì mực nước hồ;

+ Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường;

+ Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du;

Việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

- Đối với các hồ khác, việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 12 của Quy trình này;

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (trừ các hồ được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định cụ thể tại Điều 14 của Quy trình này;

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 28 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều

này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt: 450 m^3/s đối với hồ A Vương, 550 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4 và hồ Đak Mi 4A, 900 m^3/s đối với hồ Sông Tranh 2 và 150 m^3/s đối với hồ Sông Bung 2 (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 hoặc mực nước các trạm thủy văn tại Bảng 3 đã xuống dưới mức báo động I và còn đang tiếp tục xuống, đồng thời có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới;

b) Các hồ Đak Mi 4A, A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2 phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

c) Các hồ Đak Mi 4A, A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2 thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ ngày 22 tháng 11 không xuất hiện các tình huống quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, bản tin dự báo, cảnh báo trong 10 ngày tới của Cục Khí tượng Thủy văn không có thông tin xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn;

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 28 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ, phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp do Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng quyết định việc vận hành giảm lũ cho hạ du các hồ (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường); quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định việc vận hành tích nước cuối mùa lũ, chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp và điều chỉnh chế độ vận hành của các hồ, đập trong trường hợp mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục;

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình và vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ, đập, công trình (sau đây gọi tắt là Chủ hồ, đập) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại các điểm a, b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ phải báo cáo lại việc thực hiện bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát việc vận hành;

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được lệnh vận hành của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời, báo cáo ngay Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý;

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng về hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Đak Mi 4A

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thành Mỹ, Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đạt báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 550 m^3/s đến 700 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Thành Mỹ và Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

Trường hợp cần thiết, khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đạt báo động II có thể xem xét thực hiện vận hành cắt, giảm lũ theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Thành Mỹ hoặc Ái Nghĩa đạt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng về hồ lớn hơn 700 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du;

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa vẫn trên mức báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Thành Mỹ, Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước các Trạm thủy văn Thành Mỹ, Ái Nghĩa và mực nước, lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đạt báo động II hoặc lưu lượng đến hồ đạt mức quy định dưới đây thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ:

- Từ 450 m^3/s đến 600 m^3/s đối với hồ A Vương;

- Từ 550 m^3/s đến 700 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

Trường hợp cần thiết, khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đạt báo động II có thể xem xét thực hiện vận hành cắt, giảm lũ theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Hội Khách hoặc Ái Nghĩa đạt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng về hồ tương ứng như sau thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du:

- Lớn hơn 600 m^3/s đối với hồ A Vương;

- Lớn hơn 700 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa vẫn trên mức báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới;

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách và Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Hội Khách, Ái Nghĩa và mực nước, lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Sông Bung 2

1. Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa đạt báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 150 m^3/s đến 200 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ hoặc chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại khoản 3 Điều này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

3. Khi lưu lượng đến hồ lớn hơn 200 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du;

Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

4. Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 3 Điều này, khi lưu lượng đến hồ nhỏ hơn 100 m^3/s thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1.

5. Trong quá trình vận hành theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này, nếu hồ Sông Bung 4 thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du, thì hồ Sông Bung 2 phải vận hành điều tiết với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ.

Điều 11. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Sông Tranh 2

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu dưới báo động II thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Nông Sơn, Câu Lâu, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu đạt báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 900 m^3/s đến 1.500 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ;

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại Trạm thủy văn Nông Sơn và Câu Lâu, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

Trường hợp cần thiết, khi mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu đạt báo động II có thể xem xét thực hiện vận hành cắt, giảm lũ theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Khi mực nước tại một trong các Trạm thủy văn Nông Sơn hoặc Câu Lâu vượt mực nước để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng về hồ lớn hơn 1.500 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du;

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu vẫn trên mức báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới;

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu đang dưới báo động II thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước Trạm thủy văn Nông Sơn, Câu Lâu và mực nước, lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 12. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ khác

Trong quá trình các hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Tranh 2 vận hành giảm lũ, các hồ chứa khác phải tham gia phối hợp vận hành để giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của hồ, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chồng lũ và được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Tranh 3 và Sông Tranh 4: Vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

2. Đối với các hồ Za Hung, Sông Côn 2 bậc 2, Đak Mi 2 và Đak Mi 4C: Phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

3. Đối với các hồ A Vương 3, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, và Khe Diên: Phối hợp vận hành để bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

4. Ngoài việc thực hiện phối hợp vận hành hồ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, các hồ phải thực hiện việc vận hành hồ theo quyết định, chỉ đạo của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (nếu có).

Điều 13. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước các hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 2 đạt đến mực nước dâng bình thường mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đồng thời phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Bộ Công Thương.

Điều 14. Tích nước cuối mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản về việc tích nước đối với các hồ nêu trên. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1.

Trường hợp sau 03 ngày mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản về việc vận hành tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, đồng thời có văn bản báo cáo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo trên lưu vực có nguy cơ xảy ra hạn hán hoặc các thông tin dự báo, cảnh báo nguy cơ có xảy ra hạn hán, thiếu nước có liên quan, nếu Chủ hồ nhận định có khả năng không tích đủ nước cấp cho mùa cạn của năm tiếp theo thì đề xuất phương án và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định việc tích nước từ ngày 15 tháng 11. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên.

Trường hợp có cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo. Đồng thời, thông báo Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 28 thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường theo quy định của Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du, bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

Điều 15. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ được thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo yêu cầu về mực nước cao nhất tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập, nhà máy theo quy định và phải thực hiện vận hành hằng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du như sau:

1. Đối với các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn:

a) 15 m^3/s đối với hồ A Vương;

b) 25 m^3/s đối với hồ Sông Bung 4;

c) 27 m^3/s đối với hồ Sông Tranh 2;

d) 1,5 m^3/s đối với hồ Sông Côn 2 bậc 1;

đ) 2 m^3/s đối với hồ Khe Diên.

2. Đối với hồ Đak Mi 4A: vận hành xả nước liên tục về hạ du sông Vu Gia với lưu lượng không nhỏ hơn 3 m^3/s.

3. Đối với hồ Sông Bung 4A phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 25 m^3/s.

4. Đối với hồ Sông Bung 5 phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 40 m^3/s.

5. Đối với hồ Sông Bung 6 phối hợp với hồ Sông Bung 5 để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

6. Đối với hồ Sông Bung 2 phối hợp với hồ Sông Bung 4 để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

7. Đối với các hồ A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, và Đak Mi 4C phối hợp với hồ bậc trên, bậc dưới để điều tiết, cấp nước cho hạ du.

8. Đối với các hồ Sông Tranh 3, Sông Tranh 4 và Sông Côn 2 bậc 2: vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-20%).

9. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp cần thiết Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4A và Sông Bung 5 trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều này.

10. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, điều chỉnh chế độ vận hành của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1 và đập An Trạch.

11. Trường hợp mực nước các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Tranh 2, Sông Côn 2 bậc 1, Khe Diên, Đak Mi 4A, Sông Bung 4A và Sông Bung 5 đã đến mực nước chết và lưu lượng đến hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này thì vận hành xả nước với lưu lượng tương đương lưu lượng đến hồ.

12. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì các hồ phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 16. Vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít

Đối với các đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh: Việc vận hành các đập phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành của đập được cấp có thẩm quyền ban hành và không được mở cưỡng bức các cửa van của các đập (trừ trường hợp có lũ).

Trường hợp mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục thì có thể xem xét điều chỉnh chế độ vận hành theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP TRONG MÙA CẠN

Điều 17. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở dưới hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Quy trình này.

5. Việc vận hành các hồ chứa phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 18. Các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: từ ngày 21 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 và từ ngày 11 tháng 4 đến 10 tháng 5.

2. Thời kỳ II: từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 10 tháng 4.

3. Thời kỳ III: từ ngày 11 tháng 5 đến ngày 10 tháng 6.

4. Thời kỳ IV: từ ngày 11 tháng 6 đến ngày 31 tháng 8.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ, đập trong mùa cạn

1. Chủ hồ, đập được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và Điều 27 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này và Điều 29 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định khoản 4 Điều 29 của Quy trình này, thì Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục, thì căn cứ vào tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành xả nước (lưu lượng, thời gian xả) của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, Sông Côn 2 bậc 1 và đập An Trạch.

5. Trường hợp cần thiết, vào đầu mùa cạn hoặc trong các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng và các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ A Vương, Sông

Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2, Sông Bung 4A và Sông Bung 5 trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại các Điều 20, 21, 22, 24 và Điều 25 của Quy trình này.

6. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ.

Điều 20. Vận hành đối với hồ A Vương

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 02 đợt, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 06 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 22 giờ, thời gian mỗi đợt xả liên tục không ít hơn 04 giờ, tổng thời gian xả trong ngày không ít hơn 12 giờ, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 22 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 26 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 35 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 28 m^3/s đối với thời kỳ IV.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 22 m^3/s đến 26 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 30 m^3/s đến 35 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 24 m^3/s đến 28 m^3/s đối với thời kỳ IV.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 15 m^3/s đến 18 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 18 m^3/s đến 22 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 20 m^3/s đến 24 m^3/s đối với thời kỳ IV.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hồ A Vương phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 21. Vận hành đối với hồ Sông Bung 4

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 02 đợt, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 06 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 22 giờ, thời gian mỗi đợt xả liên tục không ít hơn 04 giờ, tổng thời gian xả trong ngày không ít hơn 12 giờ, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 35 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 55 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với thời kỳ IV.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 28 m^3/s đến 35 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 30 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 40 m^3/s đến 55 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 30 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ IV.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 25 m^3/s đến 28 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 35 m^3/s đến 40 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 25 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ IV.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hồ Sông Bung 4 phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 22. Vận hành đối với hồ Sông Tranh 2

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 7 giờ/ngày đối với các thời kỳ I, II, IV và 12 giờ/ngày đối với thời kỳ III, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 42 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 90 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 52 m^3/s đối với thời kỳ IV.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 32 m^3/s đến 42 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 40 m^3/s đến 50 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 80 m^3/s đến 90 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 42 m^3/s đến 52 m^3/s đối với thời kỳ IV.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 27 m^3/s đến 37 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 35 m^3/s đến 45 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 70 m^3/s đến 80 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 37 m^3/s đến 47 m^3/s đối với thời kỳ IV.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hồ Sông Tranh 2 phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 23. Vận hành đối với hồ Đak Mi 4A

1. Vận hành xả nước về hạ lưu sông Vu Gia

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, đồng thời phải căn cứ mực nước thực đo trung bình ngày hôm trước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa để vận hành theo quy định như sau:

a) Đối với thời kỳ I, II và IV: vận hành xả nước liên tục từ 23 giờ đến 11 giờ sáng hôm sau với lưu lượng:

- 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa nhỏ hơn 2,67 m;

- Không nhỏ hơn 16 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa trong khoảng từ 2,67 m đến 2,80 m;

- Không nhỏ hơn 6 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa lớn hơn 2,80 m.

b) Đối với thời kỳ III:

- Vận hành xả nước liên tục (24/24 giờ) với lưu lượng bằng 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa nhỏ hơn 2,67 m;

- Vận hành xả nước liên tục từ 23 giờ đến 11 giờ sáng hôm sau với lưu lượng: 25 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa trong khoảng từ 2,67 m đến 2,80 m; không nhỏ hơn 10 m^3/s nếu mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa lớn hơn 2,80 m.

2. Vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn

a) Sau khi đã bảo đảm việc vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào mực nước hồ hiện tại và dự báo dòng chảy đến hồ trung bình 10 ngày tới để quyết định việc vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc vận hành xả nước về hạ lưu sông Thu Bồn phải đảm bảo duy trì mực nước hồ Đak Mi 4A trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III hoặc cao hơn.

Trường hợp mực nước hồ Đak Mi 4A cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì có thể xem xét điều chỉnh tăng lưu lượng xả nước phát điện về sông Thu Bồn.

Trường hợp mực nước hồ Đak Mi 4A thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng phát điện về sông Thu Bồn nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hồ Đak Mi 4A phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 24. Vận hành các hồ Sông Bung 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên trong mùa cạn

1. Đối với hồ Sông Bung 2:

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày không thấp hơn 6 m^3/s đối với thời kỳ I, II, IV và không thấp hơn 10 m^3/s đối với thời kỳ III.

Trường hợp mực nước hồ Sông Bung 4 thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, phối hợp vận hành bổ sung nước cho hồ Sông Bung 4 nhằm đảm bảo mực nước hồ Sông Bung 4 không thấp hơn mực nước quy định tại Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo.

2. Đối với hồ Sông Côn 2 bậc 1

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 12 giờ/ngày, đồng thời phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

- Không nhỏ hơn 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Không nhỏ hơn 4 m^3/s đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 1 m^3/s đến 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 2,5 m^3/s đến 4 m^3/s đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 0,7 m^3/s đến 1 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 1 m^3/s đến 2,5 m^3/s đối với thời kỳ III.

3. Đối với hồ Khe Diên:

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm tổng lưu lượng xả xuống hạ du trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

- Không nhỏ hơn 5 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Không nhỏ hơn 6 m^3/s đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 2 m^3/s đến 5 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 3 m^3/s đến 6 m^3/s đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 1 m^3/s đến 2 m^3/s đối với thời kỳ I, II và IV;

- Từ 2 m^3/s đến 3 m^3/s đối với thời kỳ III.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì hồ Sông Bung 2, Sông Côn 2 bậc 1 và Khe Diên phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 25. Vận hành đối với hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5 và Sông Bung 6

1. Đối với hồ Sông Bung 4A

Hằng ngày, căn cứ kế hoạch vận hành xả nước của hồ Sông Bung 4, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 02 đợt, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 06 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 22 giờ, thời gian mỗi đợt xả liên tục không ít hơn 04 giờ, tổng thời gian xả trong ngày không ít hơn 12 giờ, đồng thời phải bảo đảm lưu lượng xả xuống hạ du tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

2. Đối với hồ Sông Bung 5

Hằng ngày, căn cứ kế hoạch vận hành xả nước của hồ A Vương và Sông Bung 4, mực nước hồ và diễn biến lưu lượng đến hồ Sông Bung 5, chủ hồ phải chủ động cân đối nguồn nước, xây dựng kế hoạch vận hành hằng ngày để đảm

bảo duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải bảo đảm thời gian vận hành xả nước về hạ du không ít hơn 02 đợt, thời gian vận hành bắt đầu không muộn hơn 06 giờ sáng và kết thúc không sớm hơn 22 giờ, thời gian mỗi đợt xả liên tục không ít hơn 04 giờ, tổng thời gian xả trong ngày không ít hơn 12 giờ và bảo đảm lưu lượng xả nước về hạ du như sau:

a) Từ 80 m^3/s đến 120 m^3/s đối với các thời kỳ I, II và IV;

b) Từ 120 m^3/s đến 180 m^3/s đối với thời kỳ III;

c) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, trường hợp mực nước hồ Sông Bung 5 đạt 60,0 m mà lưu lượng đến hồ vẫn tăng thì được phép điều chỉnh tăng lưu lượng xả hoặc thời gian xả cho phù hợp để duy trì mực nước hồ không vượt quá 60,0 m.

3. Đối với hồ Sông Bung 6 phối hợp với hồ Sông Bung 5 để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

Điều 26. Vận hành đối với các hồ chứa Sông Côn 2 bậc 2, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B và Đak Mi 4C

Hằng ngày, các hồ phải thực hiện vận hành xả nước về hạ du hồ, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm vận hành cấp nước cho hạ du như sau:

1. Đối với hồ Sông Côn 2 bậc 2, Sông Tranh 3 và Sông Tranh 4: Khi các hồ bậc trên liền kề vận hành xả nước, vận hành xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-20%).

2. Đối với các hồ A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Đak Mi 4B, và Đak Mi 4C phối hợp với hồ bậc trên, bậc dưới để điều tiết, cấp nước cho hạ du.

Điều 27. Vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít

Trong thời gian làm nhiệm vụ cấp nước trong mùa cạn, không được mở cưỡng bức các cửa van của các đập An Trạch, Thanh Quýt, Bàu Nít và Hà Thanh, trừ trường hợp có lũ tiểu mãn hoặc vận hành theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Quy trình này.

Trường hợp mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục thì có thể xem xét điều chỉnh chế độ vận hành theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Chương IV
VẬN HÀNH CÁC HỒ TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

Điều 28. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định vận hành các hồ khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên;

b) Khi một trong các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A và Sông Tranh 2 đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ;

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Ái Nghĩa vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này mà mực nước hồ, các hồ A Vương, Sông Bung 4 và Đak Mi 4A đã đạt đến mực nước dâng bình thường đồng thời dự báo lũ trên sông Vu Gia còn tiếp tục tăng; hoặc khi mực nước tại Trạm thủy văn Câu Lâu vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này mà mực nước hồ Sông Tranh 2 đã đạt đến mực nước dâng bình thường đồng thời dự báo lũ trên sông Thu Bồn còn tiếp tục tăng;

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

đ) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai;

e) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ thấp hơn quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

3. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng báo cáo Bộ Công Thương (đối với hồ thủy điện) trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích hồ, các hồ trên mực nước dâng bình thường để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình ra quyết định nêu trên.

Điều 29. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa cạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định việc vận hành các hồ khi xuất hiện một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên;

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa;

c) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

d) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b và c của khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành hồ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

3. Khi mặn sông Vu Gia xâm nhập sâu gây ảnh hưởng lớn đến việc lấy nước phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành các hồ A Vương, Sông Bung 4, Đak Mi 4A, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Côn 2 bậc 1 và chế độ vận hành cửa van của đập An Trạch để hỗ trợ giảm mặn nhưng phải bảo đảm phù hợp với khả năng của nguồn nước, diễn biến xâm nhập mặn của sông Vu Gia và cân đối nguồn nước đến hết mùa cạn, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

4. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

5. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 28 thì thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Quy trình này.

Điều 30. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

Chương V
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ, ĐẬP VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 31. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng

1. Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này.

2. Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành các hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ, liên hồ chứa để xem xét, quyết định việc vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

5. Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Riêng đối với các hồ A Vương, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung

2 còn phải thông báo tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt gây ra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

7. Việc thông báo các lệnh vận hành theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

8. Trên cơ sở quy định tại Điều này, chủ trì, phối hợp với các chủ hồ ban hành Quy chế phối hợp liên quan đến việc vận hành hồ chứa để bảo đảm thông tin vận hành hồ chứa được cung cấp kịp thời, đầy đủ đến Nhân dân ở vùng hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt trong trường hợp xảy ra mưa, lũ lớn, các tình huống bất thường, khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản của Nhân dân.

9. Triển khai các biện pháp ứng phó với lũ lụt, hạn hán theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 14; khoản 2, 3, 4 và khoản 6 Điều 19; Điều 28 và Điều 29 của Quy trình này.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này.

3. Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

5. Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

6. Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này; chỉ đạo Đơn vị quản lý, vận hành các đập dâng Thanh Quýt, Bàu Nít, Hà Thanh và An Trạch thực hiện theo quy định của Quy trình này.

7. Chỉ đạo các Chủ hồ lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ, nhà máy và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Quy trình này.

8. Chỉ đạo Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu sử dụng nước hạ du, phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2, Sông Bung 4A và Sông Bung 5 trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

9. Tổ chức xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình tính toán, xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

10. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

11. Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 33. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Chủ hồ thủy điện thực hiện việc vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huy động của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này. Trong đó, ưu tiên huy động điện đối với các hồ chứa có bổ sung, sử dụng thêm dung tích hồ để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ.

4. Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng và các đơn vị có liên quan để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2, Sông Tranh 2, Sông Bung 4A và Sông Bung 5 trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

5. Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của Bộ.

6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trong công tác đảm bảo an toàn công trình, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chỉ đạo cơ quan chức năng đảm bảo an toàn cho nhân dân ở hạ du hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa, lũ trên lưu vực.

7. Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống bất thường, khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy lợi trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước và dân cư khi dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế (hoặc mực nước lũ kiểm tra) hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mức nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư trên lưu vực;

d) Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy lợi lớn trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo các Chủ hồ, đập thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ, đập thủy lợi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 của Quy trình này;

b) Chỉ đạo địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước;

c) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan có liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình. Chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu, chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại khoản

4 Điều 29 của Quy trình này.

6. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo quy định khi cần thiết.

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ, ngập lụt gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

Điều 37. Trách nhiệm của Chủ hồ

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy trình này và cơ quan, địa phương có liên quan khi có yêu cầu.

Đồng thời, chủ động tính toán, xây dựng các phương án vận hành, điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình, cắt, giảm lũ hạ du và đề xuất phương án vận hành hồ chứa tới cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Khuyến khích thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo và hỗ trợ vận hành hồ chứa để nâng cao chất lượng dự báo, vận hành hồ.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia) theo quy định. Riêng đối với Chủ hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Tranh 2 còn phải truyền dữ liệu về Tập đoàn điện lực Việt Nam.

4. Hằng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo yêu cầu. Riêng đối với Chủ hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Tranh 2 còn phải cung cấp về Tập đoàn điện lực Việt Nam.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành điều tiết nước qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột của lưu lượng xả xuống hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng;

- Trường hợp xảy ra tình huống không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả tràn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng và thông báo ngay tới Cục Khí tượng Thuỷ văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Chủ hồ bậc dưới liền kề.

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Bộ Công Thương.

d) Khi xuất hiện các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Điều 28 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để xem xét, quyết định.

đ) Việc báo cáo, thông báo tới các cơ quan quy định tại khoản này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

e) Đề xuất bằng văn bản phương án tích nước theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp

nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy trình này;

b) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố hoặc trong trường hợp sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này;

c) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 19 của Quy trình này và việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 29 của Quy trình này;

d) Đề xuất phương án, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 29 của Quy trình này để xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành hồ cho phù hợp;

đ) Hằng ngày, Chủ hồ bậc trên phải thông báo kế hoạch xả nước tới Chủ hồ bậc dưới liền kề;

e) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của hồ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với kịch bản nguồn nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

8. Chủ hồ A Vương chủ trì, phối hợp với Chủ hồ Đak Mi 4A, Sông Bung 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6, A Vương 3, Za Hung, Đak Mi 2, Đak Mi 3, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Côn 2 bậc 2, đập An Trạch, Hà Thanh, Nhà máy nước Cầu Đỏ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ; Chủ hồ Sông Tranh 2 chủ trì, phối hợp với Chủ hồ Đak Mi 4B, Đak Mi 4C, Sông Tranh 3, Sông Tranh 4, Khe Diên, đập Thanh Quýt, Bàu Nít và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ.

Điều 38. Trách nhiệm của Chủ đập

1. Thực hiện vận hành các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít theo quy định của Quy trình này.

2. Thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định tại Điều 41, Điều 42 và Điều 43 của Quy trình này.

3. Lắp đặt camera giám sát việc vận hành đập và truyền tín hiệu hình ảnh về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cục Quản lý tài nguyên nước; xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít.

4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định điều chỉnh chế độ vận hành các hồ, đập khi mực nước tại thượng lưu đập An Trạch thấp hơn 1,6 m trong 12 giờ liên tục.

Điều 39. Trách nhiệm của Chủ công trình Nhà máy nước Cầu Đỏ

Hằng ngày, thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin, số liệu như sau:

1. Tổ chức quan trắc liên tục độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của Nhà máy nước Cầu Đỏ ít nhất 01 giờ một lần;

2. Cung cấp các số liệu quan trắc tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6 và Sông Côn 2 bậc 1, Cục Khí tượng Thủy văn và Cục Quản lý tài nguyên nước.

Điều 40. Trách nhiệm về an toàn các công trình

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thuỷ lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến mất an toàn công trình đầu mối, hệ thống các công trình thuỷ lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du thì Chủ hồ liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ thủy điện có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương. Đồng thời, các Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

Riêng đối với Chủ hồ A Vương, Sông Bung 4, Sông Bung 2 và Sông Tranh 2 còn phải báo cáo ngay tới Tập đoàn điện lực Việt Nam.

4. Hằng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công

trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định. Đồng thời, báo cáo tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng để theo dõi, chỉ đạo.

5. Trường hợp có sự cố công trình hoặc trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 8, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 41. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hằng ngày, Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm Thủy văn Thành Mỹ, Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu vào 15 giờ;

b) Hằng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

c) Hằng ngày, Các chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít tổ chức đo đạc, quan trắc mực nước thượng, hạ lưu đập, tối thiểu 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ và chế độ vận hành các cửa van của các đập An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn theo quy định;

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại tại các trạm thuỷ văn Thành

Mỹ, Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai);

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại Trạm thủy văn Thành Mỹ, Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ đến hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới;

- Đối với Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2 còn phải theo dõi, phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt các giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Hằng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại các điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 14 của Quy trình này, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và được cập nhật để phục vụ vận hành tích nước các hồ chứa theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

Điều 42. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ, đập phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ trước 16 giờ hằng ngày;

b) Chủ hồ phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ

dân sự thành phố Đà Nẵng, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Chủ hồ bậc dưới liền kề trước 11 giờ hằng ngày;

c) Các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt, Bàu Nít phải cung cấp các số liệu quan trắc tại điểm c khoản 1 Điều 41 của Quy trình này cho Cục Quản lý tài nguyên nước và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trước 10 giờ hằng ngày.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Chủ hồ, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp ngay bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 41 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ.

Khi mực nước tại các Trạm Thủy văn Thành Mỹ, Hội Khách, Ái Nghĩa, Nông Sơn và Câu Lâu đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, các Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 và Sông Bung 2.

b) Chủ hồ phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Chủ hồ bậc dưới liền kề;

c) Chủ các hồ A Vương, Đak Mi 4A và Sông Bung 4 phải thông báo việc xả nước đến các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít. Chủ hồ Sông Tranh 2 và Khe Diên phải thông báo việc xả nước đến các Chủ đập Thanh Quýt và Bàu Nít.

3. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng; Bộ Công Thương và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

b) Hằng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Đà Nẵng; Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 43. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa cạn

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn;

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn vào ngày 01 hằng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Hằng ngày, tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

- Đối với các Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Tranh 2, Sông Bung 4 còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

- Đối với các Chủ hồ Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1 còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 30 ngày tới vào ngày 01 hằng tháng.

c) Các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít tổ chức đo đạc, quan trắc mực nước thượng, hạ lưu đập tối thiểu 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ và chế độ vận hành các cửa van của các đập An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Cục Khí tượng Thủy văn:

- Chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Bung 4, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Tranh 2 và Khe Diên các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11, 21 hằng tháng;

- Cung cấp số liệu mực nước trung bình ngày tại trạm thủy văn Ái Nghĩa trước 13h hàng ngày cho chủ hồ Đak Mi 4A để làm căn cứ vận hành xả nước trong mùa cạn theo quy định tại Điều 23 của Quy trình này.

b) Các Chủ hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Bung 4, Sông Côn 2 bậc 1, Sông Tranh 2 và Khe Diên cung cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu sau:

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng đối với các hồ A Vương, Đak Mi 4A, Sông Bung 4 và Sông Tranh 2;

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 30 ngày tới trước 11 giờ vào ngày 01 hằng tháng đối với các hồ Khe Diên và Sông Côn 2 bậc 1.

c) Hằng ngày, các Chủ hồ cung cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu quan trắc, tính toán lượng mưa, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng xả qua nhà máy, mực nước thượng và hạ lưu hồ.

d) Hằng ngày, các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít phải cung cấp các số liệu quan trắc tại điểm c khoản 1 Điều này cho Cục Quản lý tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trước 11 giờ.

đ) Trước 19 giờ hằng ngày: Chủ các hồ A Vương, Đak Mi 4A và Sông Bung 4 phải thông báo kế hoạch xả nước của ngày hôm sau đến các Chủ đập An Trạch, Hà Thanh, Thanh Quýt và Bàu Nít; Chủ hồ Sông Tranh 2 và Khe Diên phải thông báo kế hoạch xả nước đến các Chủ đập Thanh Quýt và Bàu Nít; Riêng Chủ hồ A Vương, Sông Bung 4 phải thông báo kế hoạch xả nước ngày hôm sau cho Chủ hồ Sông Bung 4A, Sông Bung 5 và Sông Bung 6.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực

tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

Điều 44. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đak Mi 4A	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đak Mi 2	Đak Mi 3	Đak Mi 4B	Đak Mi 4C	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
I	**CÁC ĐẶC TRƯNG LƯU VỰC**																				
1	Diện tích lưu vực	km^2	682	1.100	1.125	1.448	2.276	2.369	334,0	2.386	258,4	537	445	612	29	82,6	1.450	1.610	72,0	81,0	250,1
2	Lưu lượng TB nhiều năm (Qo)	m^3/s	37,8	114,0	73,6	61,76	66,42	118,0	18,7	119	16,4	34,1	29,8	40,9	1,1	3,39	140,6	154,70	4,32	4,20	13,0
3	Lưu lượng đỉnh lũ																				
-	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m^3/s	7.120	14.100	11.400	15.427	11.658	16.990,8	5.208	17.011	2854	5.250	7400	8.747	769	1.542	17.019	17.921	2.160	1.917	4.121
			P = 0,1%	P = 0,1%	P = 0,1%	P = 0,02%	P = 0,1%	P = 0,1%	P = 0,1%	P = 0,1%	P = 0,5%	P = 0,2%	P = 0,1%	P = 0,2%	P = 0,2%	P = 0,2%	P = 0,1%	P = 0,2%	P = 0,2%	P = 0,2%	P = 0,2%
-	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m^3/s	5.720	10.300	8.840	12.008	9.086	13.221,7	3.931	11.914	2481	4.084	5700	6.736	621	1.203	13.050	13.767	1.770	1.470	3.217
			P = 0,5%	P = 0,5%	P = 0,5%	P = 0,1%	P = 1%	P = 0,5%	P = 0,5%	P = 1%	P = 1,5%	P = 1%	P = 0,5%	P = 1%	P = 1%	P = 1%	P = 0,5%	P = 1%	P = 1%	P = 1%	P = 1%
II	**HỒ CHỨA**																				
1	MNDBT	m	380,0	175,0	258,0	222,5	97,40	60,0	605,0	31,8	552,5	450	630	359	105,3	67,2	71,5	46,50	206,94	340	278
2	MNC	m	340,0	140,0	240,0	205,0	95,40	58,5	565,0	31,8	551,6	445	624	353	105	66,2	70,5	45,50	187,40	319	276
-	Mực nước lũ thiết kế	m	380	175,76	258,20	225,82	97,41	64,0	605,54	45,89	558,69	455,94	633,94	362,42	106,83	67,79	72,8	47,9	211,20	344,7	280,9
			P=0,5%	P=0,5%	P=0,5%	P=0,1%	P=1%	P=0,5%	P=0,5%	P=1%	P=1.5%	P = 1%	P=0,5%	P = 1%	P = 1%	P = 1%	P=0,5%	P = 1%	P = 1%	P = 1%	P = 1%

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đak Mi 4A	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đak Mi 2	Đak Mi 3	Đak Mi 4B	Đak Mi 4C	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
-	Mực nước lũ kiểm tra	m	382,2	178,51	260,33	228,11	99,95	67,22	608,14	49,98	559,45	457,27	636,42	363,96	107,28	68,86	75,9	51,9	211,78	345,68	281,97
			P=0,1%	P=0,1%	P=0,1%	P=0,02%	P=0,1%	P=0,1%	P=0,1%	P=0,1%	P=0,5%	P=0,2%	P=0,1%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,1%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,2%	P=0,2%
3	Dung tích toàn bộ (W_{tb})	10^6m^3	343,55	729,2	312,38	510,8	10,6	20,27	91,28	3,29	2,94	1,12	1,611	5,0	0,688	2,67	34,1	24,81	50,98	29,19	1,2
4	Dung tích hữu ích (W_{hi})	10^6m^3	266,48	521,1	158,26	233,99	1,58	2,45	71,89	0	0,44	0,74	0,692	2,304	0,066	0,52	3,35	3,32	50,35	25,41	0,7
5	Dung tích chết (W_c)	10^6m^3	77,07	208,1	154,12	276,81	9,02	17,82	19,39	3,29	2,5	0,38	0,919	2,696	0,622	2,15	31,0	21,49	0,63	3,78	0,5
III	**CÔNG TRÌNH CỤM ĐẦU MỐI**																				
1	Loại đập		Bê tông đầm lăn RRC	Bê tông đầm lăn	Bê tông đầm lăn	Bê tông trọng lực RCC	Bê tông trọng lực	Bê tông trọng lực	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông	Bê tông
-	Cao trình đỉnh đập	m	383,4	180,0	262,0	229,0	101,0	68,0	609,0	50	559,9	458	637,5	364,5	110,5	70,5	76,5	52,5	212,3	346,7	283,5
-	Chiều cao đập max	m	80,0	96,0	90,0	114,0	42,0	41,5	96,0	39,2	22,9	25	29	30	23,5	11,5	36,5	25,0	41,0	48,0	16,5
-	Chiều dài đập theo đỉnh	m	228,1	640,0	556,8		85,0	158,87	477,0	294,5		72	35,59	53	131	18,25	184,44	64,5	204,0	167,0	125,0
2	Tràn xả lũ																				
-	Số khoang tràn	kh.	3	6	5	6	5	6	3			2	3	2		2	6	9			4
-	Kích thước cửa van	mxm	14x17,5	14x14	14x16	12x12	15x17	13x15	12x14			6x8	9,5x12	9,5x12		8x11	15x16	14x9			12x8

TT	Thông số	Đơn vị	A Vương	Sông Tranh 2	Đak Mi 4A	Sông Bung 4	Sông Bung 4A	Sông Bung 5	Sông Bung 2	Sông Bung 6	A Vương 3	Za Hung	Đak Mi 2	Đak Mi 3	Đak Mi 4B	Đak Mi 4C	Sông Tranh 3	Sông Tranh 4	Khe Diên	Sông Côn 2	
																				Bậc 1	Bậc 2
-	Cao trình ngưỡng tràn	m	363	161,0	242,5	210,5	81,4	45,0	591,0			432	610	337		57	55,5	30,0			271,0
3	Tràn tự do																				
-	Cao trình ngưỡng tràn	m					97,4			31,8	552,5	450	630	359	105,3	67,2			206,94	340,0	278,0
-	Chiều rộng tràn nước	m					45			110	60	6x16,5	67,7	116	18+37	10			80,0	60,0	44,0
IV	**LƯU LƯỢNG QUA NHÀ MÁY**																				
1	Q lớn nhất	m^3/s	78,4	245,0	128,0	166,0	168,0	239,24	34,5	239,8	22,7	53,4	66,54	76	130	140	301,6	298,0	11,3	9,7	27,81
2	Công suất lắp máy	MW	210,0	190,0	148,0	156,0	49,0	57,0	100,0	29	4,8	30	147	63	42	18	62,0	48,0	15	3,0	60,0
3	Số tổ máy	tổ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3

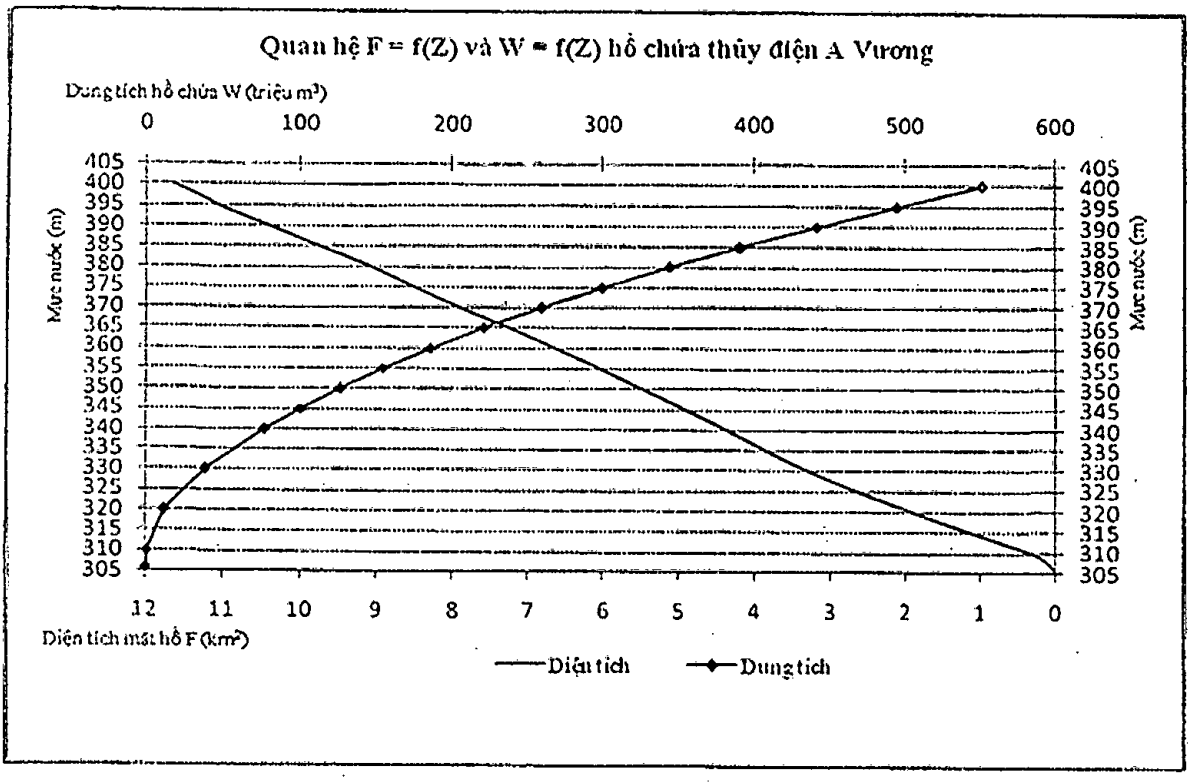
Phụ lục II

BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH CÁC HỒ CHỨA

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HỒ CHỨA A VƯƠNG

1. Đồ thị quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

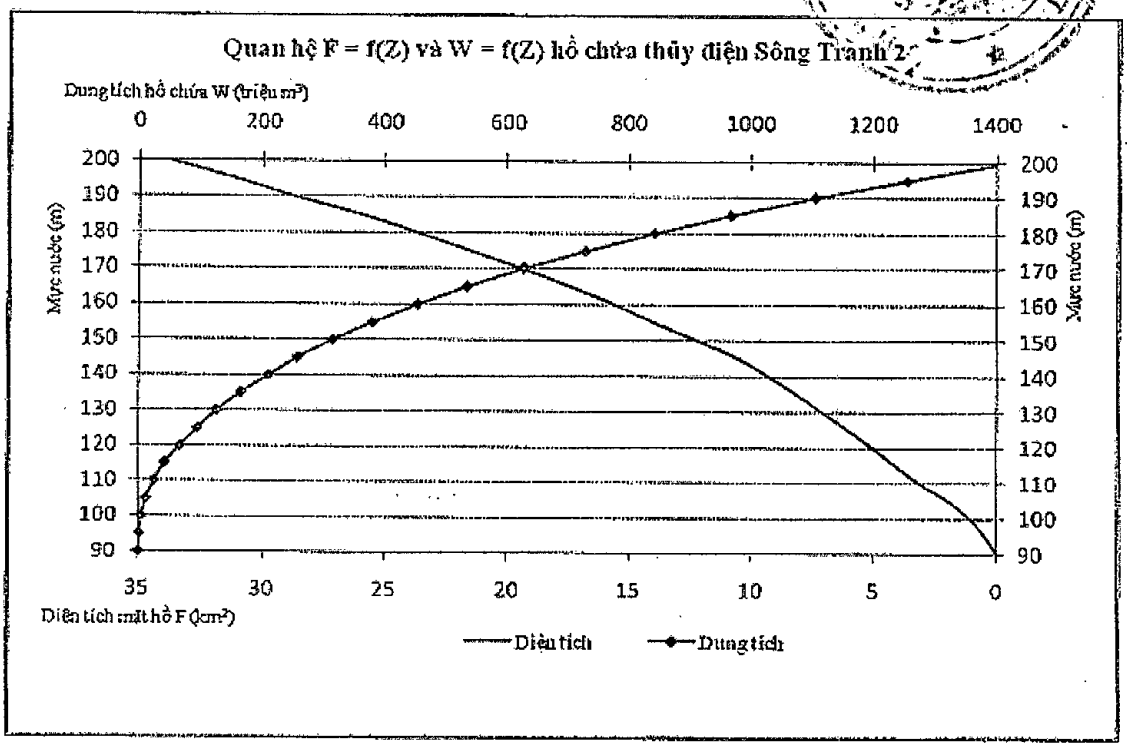


2. Bảng tra quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

Z (m)	**306**	**310**	**320**	**330**	**340**	**345**	**350**	**355**	**360**
F (km^2)	0	0,31	1,89	3,30	4,34	4,89	5,47	6,02	6,61
W ($10^6 m^3$)	0	0,66	11,96	38,90	77,07	100,13	126,01	154,73	186,29
Z (m)	**365**	**370**	**375**	**380**	**385**	**390**	**395**	**400**	
F (km^2)	7,24	7,89	8,48	9,09	9,75	10,40	11,05	11,66	
W ($10^6 m^3$)	220,90	258,72	299,63	343,55	390,64	441,01	494,62	551,39	

II. HỒ CHỨA SÔNG TRANH 2

1. Đồ thị quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

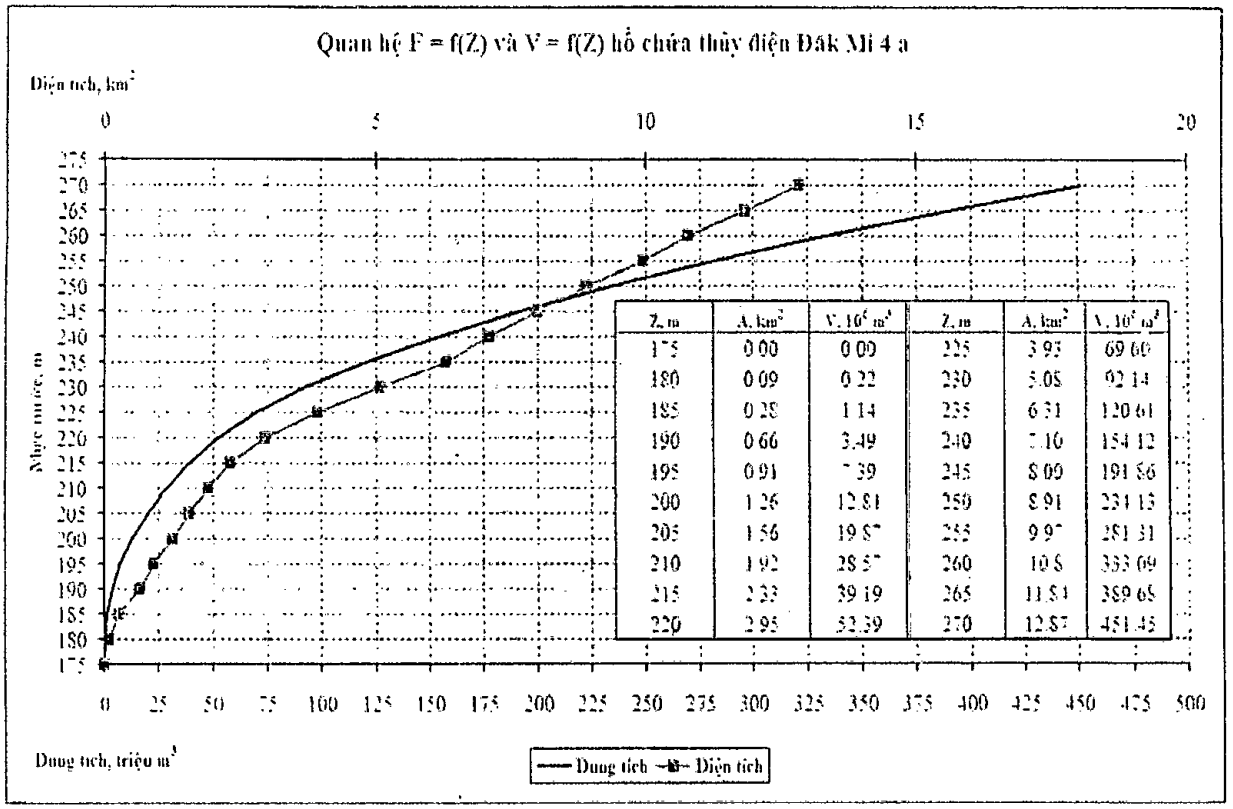


2. Bảng tra quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

Z (m)	**89,5**	**90**	**95**	**100**	**105**	**110**	**115**	**120**	**125**	**130**	**135**	**140**
F (km^2)	0,000	0,02	0,49	1,06	1,97	3,17	4,14	5,02	6,02	7,09	8,15	9,27
W ($10^6 m^3$)	0,00	0,00	1,02	4,80	12,26	24,99	43,21	66,08	93,64	126,38	164,45	207,97
Z (m)	**145**	**150**	**155**	**160**	**165**	**170**	**175**	**180**	**185**	**190**	**195**	**200**
F (km^2)	10,49	12,18	13,87	15,53	17,41	19,42	21,52	23,66	25,98	28,75	31,11	33,81
W ($10^6 m^3$)	257,34	313,96	379,04	452,50	534,81	626,83	729,14	842,05	966,10	1102,87	1252,48	1414,73

III. HỒ CHỨA ĐAK MI 4A

1. Đồ thị quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):



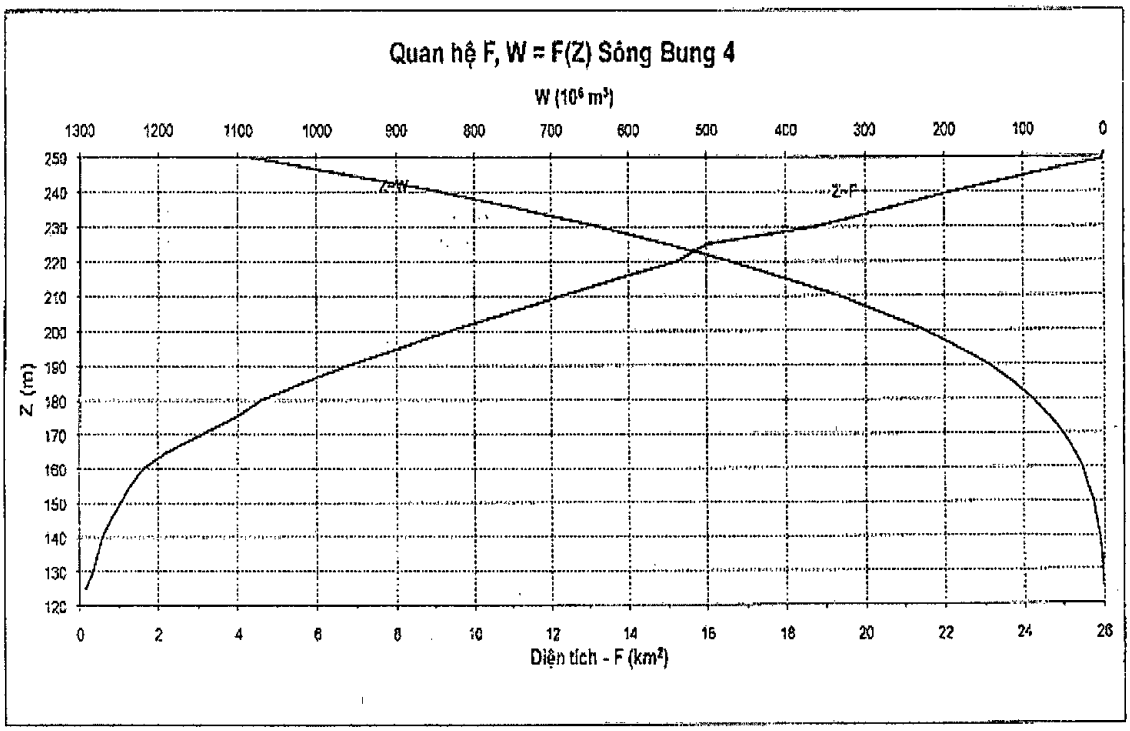
Z, m	A, km²	V, 10⁶ m³	Z, m	A, km²	V, 10⁶ m³
175	0.00	0.00	225	3.95	69.60
180	0.09	0.22	230	5.08	92.14
185	0.28	1.14	235	6.31	120.61
190	0.66	3.49	240	7.10	154.12
195	0.91	7.39	245	8.00	191.86
200	1.26	12.81	250	8.91	234.13
205	1.56	19.87	255	9.97	281.31
210	1.92	28.57	260	10.8	333.09
215	2.33	39.19	265	11.84	389.68
220	2.95	52.39	270	12.87	451.45

2. Bảng tra quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

Z (m)	**175**	**180**	**185**	**190**	**195**	**200**	**205**	**210**	**215**	**220**
F (km^2)	0	0,09	0,28	0,66	0,91	1,26	1,56	1,92	2,33	2,95
W (10^6m^3)	0	0,22	1,14	3,49	7,39	12,81	19,87	28,57	39,19	52,39
Z (m)	**225**	**230**	**235**	**240**	**245**	**250**	**255**	**260**	**265**	**270**
F (km^2)	3,93	5,08	6,31	7,10	8,00	8,91	9,97	10,80	11,84	12,87
W (10^6m^3)	69,60	92,14	120,61	154,12	191,86	234,13	281,31	333,09	389,68	451,45

IV. HỒ CHỨA SÔNG BUNG 4

1. Đồ thị quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

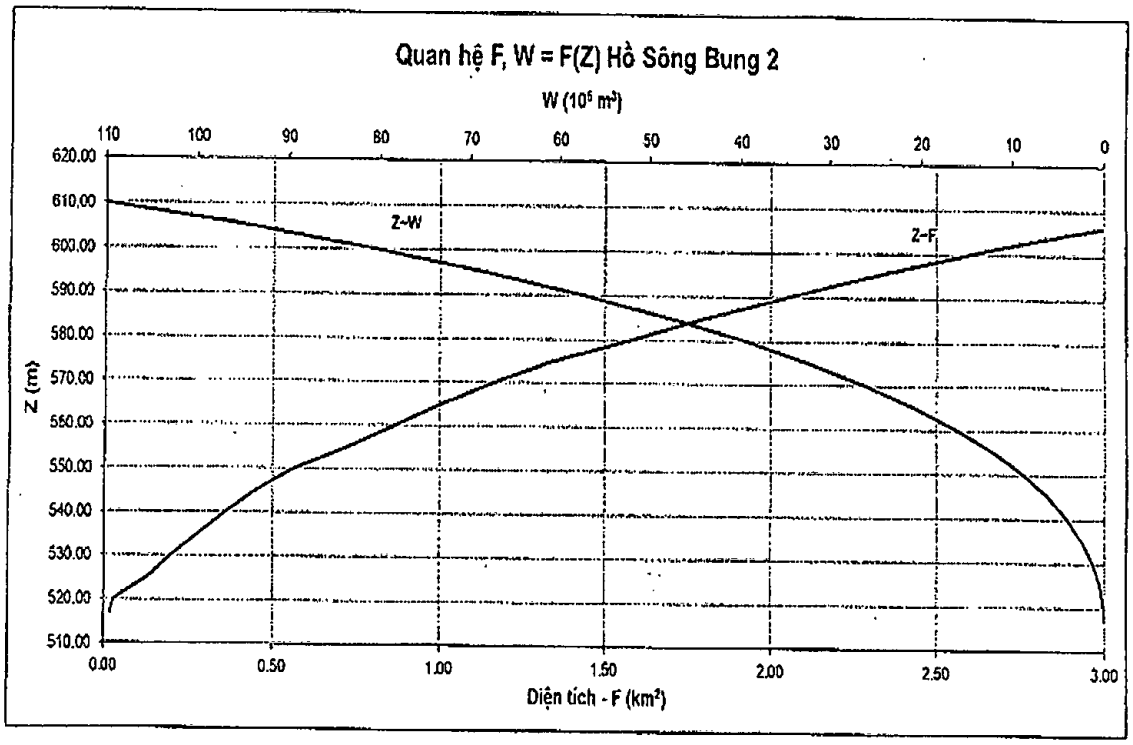


2. Bảng tra quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

Z (m)	**125**	**130**	**135**	**140**	**145**	**150**	**155**	**160**	**165**
F (km^2)	0,159	0,338	0,448	0,589	0,784	1,055	1,298	1,649	2,231
W (10^6m^3)	0,265	1,48	3,438	6,022	9,443	14,02	19,89	27,24	36,91
Z (m)	**170**	**175**	**180**	**185**	**190**	**195**	**200**	**205**	**210**
F (km^2)	3,104	3,926	4,593	5,649	6,817	8,056	9,387	10,8	12,26
W (10^6m^3)	50,18	67,72	88,99	114,6	145,7	182,8	226,4	276,8	334,4
Z (m)	**215**	**220**	**225**	**230**	**235**	**240**	**245**	**250**	
F (km^2)	13,7	15,27	16,03	18,8	20,48	22,25	24,17	26,32	
W (10^6m^3)	399,3	471,7	549,9	636,9	735,1	841,8	957,8	1084	

V. HỒ CHỨA SÔNG BUNG 2

1. Đồ thị quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):



2. Bảng tra quan hệ Z(m)~W(triệu m^3):

Z (m)	**509,4**	**515,0**	**520,0**	**525,0**	**530,0**	**535,0**	**540,0**
F (km^2)	0,00	0,01	0,02	0,12	0,19	0,26	0,34
W ($10^6 m^3$)	0,00	0,01	0,08	0,40	1,17	2,29	3,79
Z (m)	**545,0**	**550,0**	**555,0**	**560,0**	**565,0**	**570,0**	**575,0**
F (km^2)	0,43	0,54	0,69	0,82	0,96	1,12	1,30
W ($10^6 m^3$)	5,70	8,11	11,16	14,93	19,39	24,59	30,64
Z (m)	**580,0**	**585,0**	**590,0**	**595,0**	**600,0**	**605,0**	**610,0**
F (km^2)	1,54	1,75	1,99	2,25	2,54	2,84	3,21
W ($10^6 m^3$)	37,72	45,91	55,25	65,86	77,83	91,28	106,40

Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH CÁC HỒ TRONG MÙA CẠN

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)											
			A Vương		Đak Mi 4A		Sông Tranh 2		Sông Bung 4		Khe Diên		Sông Côn 2 bậc 1	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
1	21/12	31/12	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	204,3	205,3	337,0	338,0
2	01/01	10/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	204,3	205,3	337,0	338,0
3	11/01	20/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6				
4	21/01	31/01	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6				
5	01/02	10/02	375,5	378,3	254,7	256,4	171,4	173,5	218,0	219,6	203,6	205,2	336,6	337,6
6	11/02	20/02	375,2	378,1	254,7	256,4	171,3	173,4	218,0	219,6				
7	21/02	28/02 (29/02)	374,5	377,6	254,7	256,4	171,2	173,3	218,0	219,6				
8	01/3	10/3	373,7	377,0	254,7	256,4	170,8	172,9	217,8	219,4	202,5	205,1	335,3	336,4
9	11/3	20/3	372,9	376,0	254,7	256,4	170,3	172,3	217,6	219,2				
10	21/3	31/3	371,9	374,9	254,6	256,2	169,5	171,6	217,4	218,9				
11	01/4	10/4	370,8	373,4	254,3	255,9	169,1	171,3	217,0	218,6	201,2	204,5	333,6	334,8
12	11/4	20/4	369,4	372,2	253,9	255,5	168,3	170,5	216,6	218,2				
13	21/4	30/4	368,5	371,3	253,6	255,1	167,6	169,8	216,3	217,9				
14	01/5	10/5	367,4	370,6	253,3	254,8	167,0	169,0	216,1	217,6	199,8	203,7	332,0	333,2

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)											
			A Vương		Đak Mi 4A		Sông Tranh 2		Sông Bung 4		Khe Diên		Sông Côn 2 bậc 1	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
15	11/5	20/5	366,3	369,5	253,1	254,6	166,3	168,1	215,7	217,1				
16	21/5	31/5	364,1	366,8	252,5	253,8	163,1	164,9	214,7	216,1				
17	01/6	10/6	361,5	363,7	251,5	252,7	159,6	161,2	213,5	215,2				
18	11/6	20/6	358,5	360,8	250,1	251,4	156,3	157,4	212,5	214,1	198,2	201,9	328,2	329,7
19	21/6	30/6	356,3	359,2	248,6	250,0	153,9	155,9	211,3	212,8				
20	01/7	10/7	354,3	357,1	247,5	248,9	152,1	154,1	210,5	212,0				
21	11/7	20/7	352,1	354,9	246,5	247,9	150,3	152,3	209,7	211,2	195,1	199,9	325,4	327,2
22	21/7	31/7	350,2	353,0	245,3	246,7	148,7	150,7	208,9	210,4				
23	01/8	10/8	347,9	350,7	243,8	245,4	146,8	148,8	207,8	209,8				
24	11/8	20/8	345,2	348,0	242,4	244,0	145	147,0	206,7	208,7	190	197,5	322,5	324,5
25	21/8	31/8	342,6	345,4	240,5	242,5	142,2	145,1	205,3	207,5				